

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +848.39.435.447

Fax: +848.39.435.446

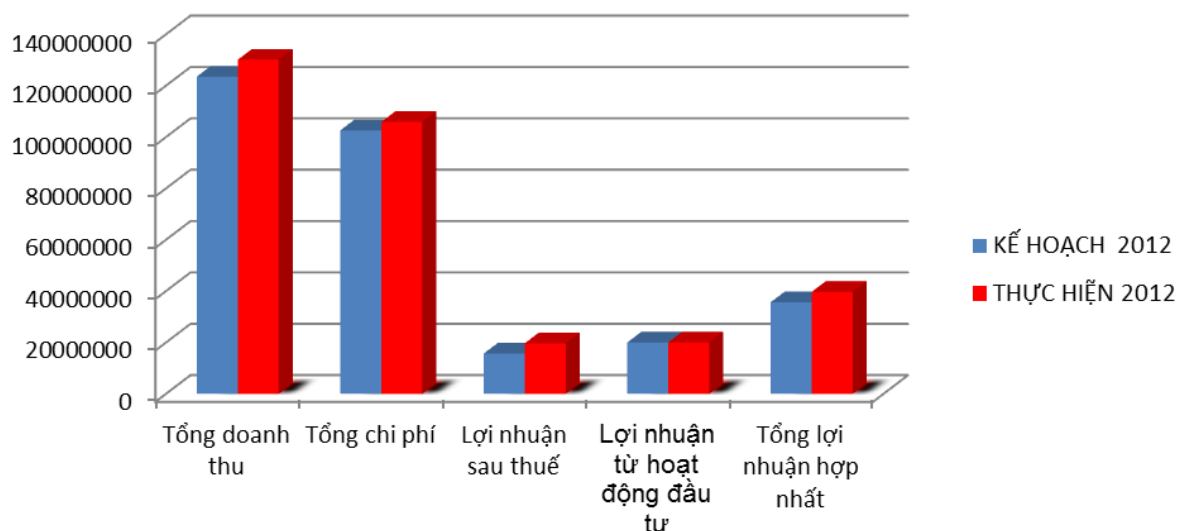
haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT **2012**

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012



TP. HỒ CHÍ MINH
03 - 2013

MỤC LỤC

1	Tổng quan về Công ty cổ phần Hải Minh	3
2	Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm	9
3	Báo cáo của Ban giám đốc	16
4	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	22
5	Quản trị công ty	27
6	Báo cáo tài chính hợp nhất 2012 (đã kiểm toán)	34

Phần I

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tên tiếng anh : HAIMINH CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt : HAMI CORP

Địa chỉ : 01 ĐINH LỄ, PHƯỜNG 12, QUẬN 4, TP HCM

Điện thoại : 08 3943 5447 Fax : 08 3943 5446

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 99.998.840.000 đồng

Website: www.haiminh.com.vn

Niêm yết cổ phiếu tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Hải Minh

Mệnh giá: 10.000 đ /cổ phần

Mã chứng khoán: HMMH

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 CP

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 1,5 tỷ đồng với mười một cổ đông sáng lập, thay đổi Giấy CN ĐKKD lần cuối cùng (lần thứ 11) ngày 17 tháng 01 năm 2012.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- ❖ 01/2002 : Thành lập Công ty cổ phần Hải Minh
- ❖ 06/2005 : Thành lập Công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- ❖ 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- ❖ 10/2006 : Thành lập Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hãng tàu “K” Line Nhật Bản.
- ❖ 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- ❖ 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- ❖ 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- ❖ 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56,16 tỷ đồng
- ❖ 06/2010 : Được chính thức chỉ định là đại lý cho Samudera Shipping Line (Singapore) tại Việt Nam
- ❖ 07/2010 : Niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- ❖ 08/2010 : Thành lập Công ty liên doanh với tập đoàn DongBu Hàn Quốc (Cty TNHH Tiếp Vận DongBu - Hải Minh)
- ❖ 10/2011 : Niêm yết bổ xung 1.741.116 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 17.411.160.000 đ .Nâng vốn điều lệ lên 73,57 tỷ đồng
- ❖ 10/2011 tiến hành đàm phán với PISD thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh – Tỷ lệ vốn góp ban đầu là 13%. Công ty đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và hoạt động từ tháng 03/2012, đến tháng 11/2012 Hải Minh đã nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của PISD.
- ❖ 12/2012 : Đăng ký lưu ký bổ xung 2.642.504 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 26.425.040.000 đ .Nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng (theo đúng vốn đăng ký trên giấy phép ĐKKD) và số cổ phiếu nà đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2013.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh chính tại 02 thành phố là Tp. HCM và Hải Phòng với các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

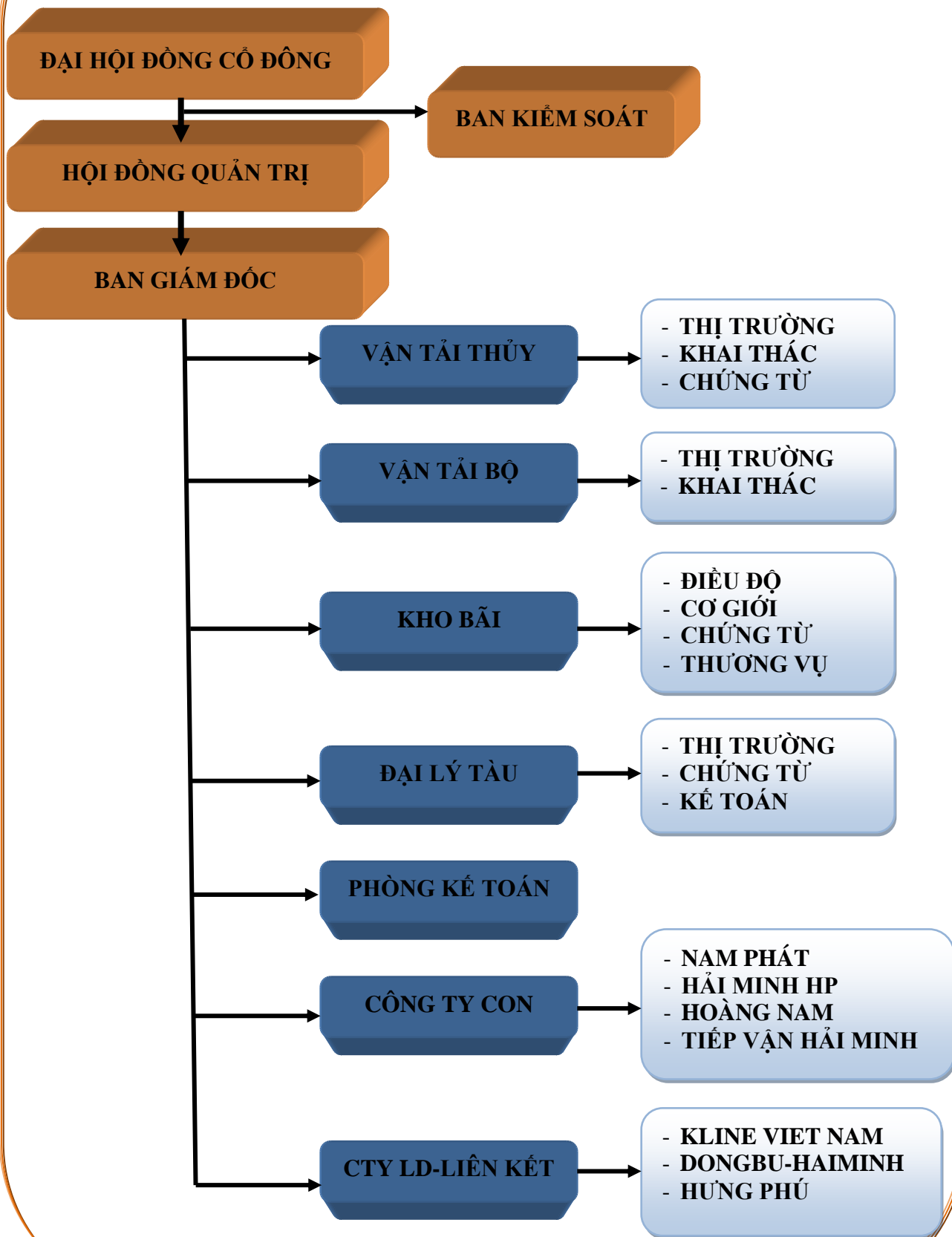
- ✓ Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối;
- ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;
- ✓ Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị chuyên dụng, container;
- ✓ Đại lý tàu biển; cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển.
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng...

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1 Mô hình quản trị bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng
- ✓ Tổng giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các đơn vị thành viên, thông qua người phụ trách cao nhất tại các đơn vị là Giám đốc các đơn vị thành viên và các trưởng phó phòng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – sơ đồ tổ chức :



www.haiminh.com.vn

4.3 Các công ty con, công ty liên kết :

4.3.1 Các công ty con:

- ✓ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008 do sở hế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp
Trụ sở chính: Tầng 2, khách sạn Việt Trung, 103 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải An, Tp.Hải Phòng.
Vốn điều lệ: 21.484.000.000đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 96,08%
- ✓ Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001877 ngày 07/01/2009 do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: Tầng 2, khách sạn Việt Trung, 103 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải An, Tp.Hải Phòng.
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 100%
- ✓ Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 874/GP-HCM ngày 08/06/2005 do UBND Tp.HCM cấp.
Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, HCM
Vốn điều lệ: 150.000 USD
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 55,00%
- ✓ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0201242464 ngày 20/02/2012 do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, HCM
Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 60,00%

4.3.2. Các công ty liên kết

- ✓ Công ty TNHH “k” Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do bộ Kế hoạch đầu tư cấp.
Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ: 500.000 USD
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 49%

- ✓ Công ty Tiếp vận DongBu Hải Minh hoạt động theo giấy phép đầu tư số 411022000536 ngày 31/08/2010 do UBND Tp.HCM cấp
Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, HCM
Vốn điều lệ: 605.000USD
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 49%
- ✓ Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0311190956 ngày 09/09/2011 do UBND Tp.HCM cấp
Trụ sở chính: 21/4 Đường liên phường, Phường Phú Hữu, Q9, TpHCM
Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 40%

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN

Luôn tuân chỉ và bám sát phương châm:

“Phát triển bền vững, bảo toàn vốn, đẩy mạnh hợp tác liên doanh - liên kết ,đảm bảo lợi ích nhà đầu tư & người lao động “.

- ✓ Hiệu quả cao trong tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh;
- ✓ Tìm kiếm mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác nhằm phát huy nội lực của công ty kết hợp với thế mạnh của các đối tác;
- ✓ Đảm bảo an toàn và phát triển đồng vốn chủ sở hữu;
- ✓ Nâng cao đời sống cho cán bộ CNV Công ty.

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động SXKD trong năm:

- Hoạt động kinh doanh năm 2012 của công ty không tránh khỏi những khó khăn chung của nền kinh tế nhưng nhìn chung Công ty vẫn duy trì ổn định đà tăng trưởng. Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2012 của công ty đạt được như sau:
- Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD đạt 130,112 triệu đồng tăng 5,3% so kế hoạch và tăng 2,7% so cùng kỳ năm 2011. Trong đó vẫn tập trung chính ở các mảng dịch vụ thế mạnh như: kho bãi, đại lý hàng hải, vận tải bộ.... Tổng chi phí là 105,866 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 39,707 triệu đồng tăng 15% so kế hoạch và đạt 98,6% so cùng kỳ 2011. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 5,021 đồng /cổ phần.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2011	KH 2012	T.H 2012	TH/KH	12/11
Tổng doanh thu	126,638	123,500	130,112	105,3%	102,7%
+ Hoạt động SXKD	117,835	119,000	120,377	101,0%	102,2%
+ DT tài chính	7,286	4,500	4,841	107,5%	66,0%
+ DT Khác	1,517		4,894		
Tổng chi phí	101,983	104,150	105,866	101,6%	103,8%
+ CP giá vốn	90,501	93,000	90,316	97,0%	99,7%
+ Tài chính	302	250	39	15,6%	12,9%
+ CP quản lý doanh nghiệp	10,735	10,900	11,573	106,0%	107,8%
+ CP Khác	445		3,938		
Lợi nhuận sau thuế	20,158	14,512	19,675	135,6%	98%
Lợi nhuận từ hoạt động LD/LK	20,098	20,000	20,032	100,1%	99,6%
Tổng lợi nhuận hợp nhất	40,256	34,512	39,707	115,0%	98,6%

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

2.1 Danh sách ban điều hành

a. Ông Nguyễn Quốc Hùng – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng giám đốc

- Họ và tên : **NGUYỄN QUỐC HÙNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 30/08/1954
- Nơi sinh : Tp.HCM Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Tp.HCM
- Số CMND : 020137716 Cấp ngày tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 82 Đường số 2, KP3, Thảo Điền, quận 2, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa : Tiến sỹ
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ cơ khí – khai thác hàng hải
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam, TV HĐQT công ty TNHH K'Line Việt Nam
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2012): 331.038 cổ phần (3.31% Vốn điều lệ).

b. Ông Nguyễn Thế Hưng – Giám đốc tài chính/kế toán trưởng

- Họ và tên : **NGUYỄN THẾ HƯNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 16/10/1973
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Số CMND : 024897269 Cấp ngày 10/12/2008 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 92/12 Lâm Văn Bền, P.Tân Thuận Tây , Quận 7, TP HCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc tài chính/kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc C.ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2012) : 123.409 cổ phần (1,23 % Vốn điều lệ)

C . Ông Trần Đoàn Viện – Giám đốc phụ trách phía Bắc

- Họ và tên : **TRẦN ĐOÀN VIỆN**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 28/08/1970
- Số CMND : 030955726 Cấp ngày 31/12/2008 tại CA TpHải Phòng
- Nơi sinh : Hưng Yên Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8/59 Hoàng Quý, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế VT Biển
- Chức vụ công tác hiện nay : GD C.ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát
- Số lượng cổ phần nắm giữ(31/12/2012): 32.946 cổ phần (0,33% Vốn điều lệ).

2.2 Thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 15/01/2012 Ông Nguyễn Thành Chương có đơn xin miễn nhiệm chức danh Giám đốc kinh doanh, đồng thời xin rút tên khỏi thành viên Hội đồng quản trị.

2.3 Số lượng cán bộ , nhân viên:

Tính đến thời điểm 31/12/2012 Tổng công ty có 165 CB CNV, trong đó trình độ trên đại học chiếm 2%, trình độ đại học và cao đẳng chiếm 55%, Trung cấp và có bằng nghề chuyên môn chiếm 43%. Mặc dù trong năm qua tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Hội đồng quản trị và BGĐ công ty luôn quan tâm, chăm lo tốt cho đời sống của CB CNV, thu nhập bình quân người lao động đạt trên 10 triệu đồng /tháng /người, được hưởng đầy đủ các chính sách theo qui định của nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN; thưởng vào các dịp lễ tết ... ngoài ra CB CNV còn được tổ chức khám bệnh định kỳ tại các cơ sở y tế có uy tín, được tổ chức đi nghỉ mát vào thời điểm thích hợp, được tạo điều kiện giao lưu học hỏi gần gũi và thân thiện nhau giữa các nhân viên trong toàn khối nhóm vào dịp Hội thao – Hội diễn hàng năm.....

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

3.1 Tình hình đầu tư:

- ✓ Xây dựng nhà văn phòng tại Hải Phòng: Đã tiến hành xong Hồ sơ thiết kế thi công, mời thầu và tổ chức đấu thầu công khai gói thầu xây lắp trị giá 15,85 tỷ đồng. Kết quả Công ty cổ phần xây dựng Kiến lương đã trúng thầu. Đã tổ chức động thổ công trình ngày 17/7/2012 và khởi công xây dựng ngày 6/8/2012 đến nay đã tiến hành thi công xây dựng xong phần móng và phần XD thô đến tầng 3 tòa nhà. Giá trị thi công đạt trên 3 tỷ đồng trong đó đã thanh toán xong phần móng theo tiến độ là 2,8 tỷ đồng.
- ✓ Đầu tư phương tiện vận tải :
 Đầu kéo container: 15 Chiếc và 22 Rơmoóc container
 Đầu tư thiết bị bốc xếp:
 - 01 xe nâng container loại Terex 45 tấn trị giá 198.000 EUR xe về đến Hải Phòng ngày 1/8/2012 và đã đưa vào hoạt động.
 - Đầu tư 01 xe nâng rỗng trị giá: 98.000 EUR khai thác từ tháng 10/2012 tại TpHCM
- ✓ Thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh với tổng số vốn điều lệ là 35 tỷ đồng trong đó HM góp 13%, PISD góp 77%. Công ty đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3/2012 Đến tháng 11/2012 Hải Minh đã mua lại 100% vốn góp của PISD.
- ✓ Đã tiến hành tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Dongbu – Hải Minh từ 260.000USD lên 605.000 USD. Hải Minh góp thêm 169.050 USD

3.2 Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty liên quan:

Các chỉ tiêu	MTV HMHP (100%)	TV NamPhat (96,08%)	TV Hải Minh (60,00%)	TV HoangNam (55%)	C.ty TNHH Kline VN (49%)	TV Dongbu- HM (49%)
Tổng DT	41,611	47,026	9,293	14,425	93.735	43,645
Tổng CP	36,667	39,656	7,808	14,120	43.938	44,166
LN sau thuế	3,996	6,036	1,215	243	40.491	(521)

Ngoài ra còn một số đơn vị mà Công ty có tham gia đầu tư tài chính, nhằm tận dụng sức mạnh của đối tác và khai thác triệt để khả năng của công ty như:

- + C.ty TNHH Vận Tải & Xếp dỡ Hải An
- + C.ty CP Cảng quốc tế Sao Biển
- + C.ty CP Hàng Hải Hưng Phú

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty trong năm ổn định, nguồn vốn dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, thanh khoản tốt, đảm bảo chế độ tiền lương và chính sách với người lao động, thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước kịp thời đúng qui định. Công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương, đủ đảm bảo cho dòng tiền cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính...

4.2 Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	41,86	48,90	29,64
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	58,14	51,10	70,36
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15,12	18,13	10,43
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	84,88	81,87	89,57
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	36,41	35,33	36,78

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	31,63	31,78	32,98
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	22,79	22,34	20,83
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,85	25,06	21,22
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	61,76	54,71	39,70
Lãi cơ bản /cổ phiếu	vnđ	6,320	7,096	5,021

Các chỉ tiêu tài chính 2012 cho thấy, tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh, khả năng thanh toán tốt, hệ số nợ giảm so cùng kỳ.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.000.000 CP
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 9.643.062 CP
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 356.938 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- ✓ Tính đến 31/12/2012 cơ cấu cổ đông Công ty CP Hải Minh được thể hiện cụ thể như sau:

TT	THÀNH PHẦN	SỞ HỮU CP	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông lớn	0	0
2	Cổ đông nhỏ	10.000.000	100
3	Cổ đông tổ chức	1.220.332	12,20
4	Cổ đông cá nhân	8.779.668	87,80
5	Cổ đông trong nước	9.176.517	91,77
6	Cổ đông nước ngoài	823.483	8,23
7	Cổ đông nhà nước	0	0

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 08/2012 Công ty CP Hải Minh đăng ký phát hành thêm 2.642.504 CP để tăng vốn lên 100.000.000.000 đ (Một trăm tỷ đồng)

Thông qua 2 hình thức, phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận giữ lại cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 32%) và phát hành cho CB CNV

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tổng số cổ phiếu quỹ tới thời điểm 31/12/2012 công ty hiện nắm giữ là 215.216 CP, tăng 116 CP so với cùng kỳ năm trước. Số lượng cổ phiếu quỹ tăng (116 CP) do mua lại số CP lẻ của cổ đông hiện hữu khi thực hiện quyền chia CP thưởng (32%), với giá 10.000 đ/CP.

5.5 Các loại chứng khoán khác: Không có.

Phần III
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC
HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2012
KẾ HOẠCH MỤC TIÊU NĂM 2013

- ✓ Căn cứ Luật doanh nghiệp của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam;
- ✓ Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- ✓ Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông họp ngày 25/03/2012 thông qua.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Hải Minh xin báo cáo kết quả SXKD năm 2012, tình hình thực thi các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban giám đốc năm 2012 và các kế hoạch trong năm 2013 như sau:

I - HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2012

1. Đặc điểm tình hình chung:

Những khó khăn bởi ảnh hưởng suy thoái tiếp tục kéo dài và nền kinh tế thế giới nói chung cũng như của Việt Nam cũng chưa có dấu hiệu phục hồi. Khó khăn thêm chồng chất khi mà vật giá vẫn đang tiếp đà gia tăng, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay trong nước gặp nhiều trắc trở khiến hàng loạt doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản. Tình hình biên mậu biến động ảnh hưởng lớn đến các dịch vụ, nhất là các đơn vị ở phía Bắc ...

Công ty chúng ta năm vừa qua cũng trải qua một năm hết sức khó khăn, với sức ép về cắt giảm chi phí của khách hàng đã ảnh hưởng phần nào đến tỷ suất lợi nhuận, mục tiêu mở rộng và phát triển của công ty.

Nhận thức rõ vấn đề khó khăn này, HĐQT Công ty đã luôn sát sao chỉ đạo, đồng hành cùng BGD chủ động tìm kiếm thêm nhiều đối tác và khách hàng mới, thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm, tái cơ cấu và hợp lý hóa mọi khâu tổ chức sản xuất.... nhờ đó cơ bản Cty vẫn giữ được đà tăng trưởng. Bên cạnh đó chúng tôi cũng không thể không nói đến sự hỗ trợ tích cực của các đối tác, các khách hàng, sự phấn đấu miệt mài của toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp cho công ty tiếp tục vững bước trong giai đoạn khó khăn.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012**2.1 Doanh thu và lợi nhuận:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2011	KH 2012	T.H 2012	TH/KH	12/11
Tổng doanh thu	126,638	123,500	130,112	105,3%	102,7%
+ Hoạt động SXKD	117,835	119,000	120,377	101,0%	102,2%
+ DT tài chính	7,286	4,500	4,841	107,5%	66,0%
+ DT Khác	1,517		4,894		
Tổng chi phí	101,983	104,150	105,866	101,6%	103,8%
+ CP giá vốn	90,501	93,000	90,316	97,0%	99,7%
+ Tài chính	302	250	39	15,6%	12,9%
+ CP quản lý doanh nghiệp	10,735	10,900	11,573	106,0%	107,8%
+ CP Khác	445		3,938		
Lợi nhuận sau thuế	20,158	14,512	19,675	135,6%	98%
Lợi nhuận từ hoạt động LD/LK	20,098 ⁽¹⁾	20,000	20,032	100,1%	99,6%
Tổng lợi nhuận hợp nhất	40,256	34,512	39,707	115,0%	98,6%

(1) Lợi nhuận từ các đơn vị liên doanh liên kết đã chuyển về trong năm 2012 là: 15,016 tỷ đồng.

2.2 Tình hình thực thi các kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao tại kỳ họp thường niên ngày 25/03/2012.

+ Đã hoàn thành kế hoạch phát hành thêm 2.642.504 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng và hoàn thành kế hoạch tạm ứng 10% cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2012.

+ Đã thực hiện việc chia thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành công ty 10% mức lợi nhuận vượt kế hoạch hàng năm trong 5 năm nhiệm kỳ 2007 – 2012.

+ Đã hoàn thành kế hoạch niêm yết 177.590 cổ phiếu của Công ty TTK Global Resources Pte.LTD Singapore trên sàn chứng khoán Hà Nội.

+ Đã tiến hành động thổ công trình xây dựng tòa nhà VP tại Hải Phòng vào ngày 17/07/2012, và đến nay công trình đã thi công xong phần móng và phần xây dựng thô đến tầng 03.

+ Về đầu tư phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp: Đã tiến hành đầu tư thêm 15 xe đầu kéo và 22 Remooc. Đầu tư thêm 02 xe nâng, trong đó 01 xe nâng hàng hiệu Terex 45Tấn hiện đang hoạt động khai thác tại Hải

Phòng và 01 xe nâng rỗng hiệu Kalmar hiện đang khai thác tại Tp HCM. (Nguồn vốn đầu tư hầu hết là tái sử dụng từ nguồn vốn khấu hao TSCD)

+ Thành lập Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh với tổng số vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, Cty đã đi vào hoạt động từ tháng 03/2012 và đến tháng 11/2012 Hải Minh đã nhận nhượng lại toàn bộ phần 77% vốn góp của PISD.

+ Đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ của Công ty Dongbu – Hải Minh từ 260.00USD lên 605.000 USD.

+ Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú, với tỷ lệ vốn góp là 40%.

+ Đã thực hiện xong các thủ tục và tiến hành các bước sáp nhập 02 đơn vị là C.ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng và C.ty TNHH TV Hải Minh.

+ Đã thực hiện xong các bước sửa đổi điều lệ và đăng tải bản điều lệ đã sửa đổi trên Website Của Công ty.

2.3 Báo cáo tình hình sử dụng các quỹ đến 31/12/2012

Đơn vị: 1000vnd

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	.Quỹ dự phòng tài chính	4.244.737
2	.Quỹ đầu tư phát triển	742.424
3	.Quỹ phúc lợi	2.252.954
3.1	+ Phân bổ cho các đơn vị thành viên	830.000
3.3	+ Chi cho các hoạt động công ty	867.588
3.4	.Tồn quỹ phúc lợi đến 31/12/2012	555.366
4	.Quỹ hoạt động của HĐQT	6.020.201
4.1	+ Chi thù lao công vụ 2011	1.811.649
4.2	+ Chi thưởng nhiệm kỳ 2007-2011 theo QĐ số 03/QĐ-HĐQT	4.007.000
4.3	.Tồn quỹ hoạt động HĐQT đến 31/12/2012	602.498
5	. Quỹ trợ cấp thất nghiệp	119.969
6	TỔNG SỐ TỒN CÁC QUỸ	6.264.994

II- KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

VÀ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch SXKD năm 2013

Nhận định tình hình kinh doanh năm 2013 sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, bởi tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước chưa có dấu hiệu hồi phục. Thị trường dịch vụ Hàng Hải năm 2013 cũng chưa có dấu hiệu sẽ khởi sắc, nhiều hãng tàu lớn cắt bỏ tuyến hoặc tận dụng triệt để ưu thế của mình để ép các đơn vị thực hiện dịch vụ nội địa giảm giá như phí đại lý, phí dịch vụ kho bãi, vận chuyển ... Tình hình biên mậu cũng không có tín hiệu hồi phục. Ngoài ra một số chính sách mới của nhà nước cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh. Trước tình hình khó khăn đó BGD xin trình Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị kế hoạch SXKD năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2012	KH 2013	KH 2013/ TH 2012
Tổng doanh thu	130,112	128,640	98,86
+ Hoạt động SXKD	120,377	124,140	103,10
+ DT tài chính	4,841	3,000	61,97
+ DT Khác	4,894	1,500	30,64
Tổng chi phí	105,866	105,564	99,71
+ CP giá vốn	90,316	92,976	102,94
+ Tài chính	39	30	76,92
+ CP quản lý doanh nghiệp	11,573	12,058	104,19
+ CP Khác	3,938	500	12,69
Lợi nhuận sau thuế	19,675	17,306	88,00
Lợi nhuận từ hoạt động LD/LK	20,032	20,000	99,84
Tổng lợi nhuận hợp nhất	39,707	37,306	93,95

(Về doanh thu hoạt động của năm 2013 dự kiến chỉ vượt 3,5 % so với thực hiện 2012, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế giảm 6,05 %. Nguyên nhân chính là do chúng ta không còn thuộc trong diện được giảm (30%) thuế TNDN theo NQ 02/2013/NQ-CP ban hành ngày 07/01/2013).

Để thực hiện kế hoạch như trên, BGD Công ty xin đưa ra một số biện pháp như sau:

- Tiếp tục theo đuổi những dịch vụ kinh doanh truyền thống của công ty bao gồm: Vận tải bộ; Vận tải thủy; Kho bãi; Đại lý hàng hải; Dịch vụ giao nhận.
- Tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa các dịch vụ hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất như phương tiện vận tải, xếp dỡ, kho bãi container.... Đảm bảo hiệu quả cao trong sử dụng nguồn vốn.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tận dụng sức mạnh của đối tác và khai thác triệt để khả năng, nguồn vốn của công ty.
- Tiếp tục công tác giám sát chặt chẽ trong điều hành quản lý, tập trung chuyên môn hóa về dịch vụ cho từng đơn vị, chuẩn hóa các hạng mục, nghiệp vụ trong toàn công ty.
- Thực hiện triệt để chủ trương tiết kiệm nhằm cắt giảm chi phí xuống mức hợp lý thấp nhất, các tiêu chí v/v triển khai thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động đã được BGD trình trước HĐQT tại kỳ họp đầu năm như:
 - + Khối văn phòng : thực hiện tiết giảm từ 10 – 12% chi phí từ VP phẩm và các vật liệu quản lý khác..., cắt giảm bớt diện tích VP hiện tại nếu có thể.
 - + Đối với các bộ phận sản xuất trực tiếp : Như đội tàu, đội xe và kho bãi, tập trung quản lý và khai thác hợp lý phương tiện hiện có để đảm bảo mục tiêu giảm từ 8 -10% chi phí thuê ngoài, giảm từ 2 -2,5% chi phí tiêu hao nhiên liệu; chi phí sửa chữa giảm 10% - 12%....

Việc triển khai và thực hiện tốt các tiêu chí trên, theo số liệu tính toán có thể tiết giảm khoảng trên 800 triệu đồng so với chi phí thực hiện.

2 . Kế hoạch đầu tư và những dự án sẽ triển khai trong năm 2013.

- Tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai và hoàn thiện công trình nhà Văn phòng hiện đang xây dựng tại Hải Phòng, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động đầu quý 4/2013 bằng nguồn vốn tự có trong nội bộ công ty.
- Tiếp tục thực hiện tái đầu tư thay thế các phương tiện vận tải, bốc xếp đã cũ không phù hợp và đã hết niên hạn sử dụng tại các đơn vị bằng nguồn vốn khấu hao.
- Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, trước mắt thuê dài hạn 15.000m² xây dựng bãi chứa container

với chi phí đầu tư làm mặt bãi dự kiến trên 2,5 tỷ đồng và đưa vào khai thác trong quý 3/2013.

- Thực hiện các thủ tục để tiến hành sáp nhập 02 C.ty TNHH MTV HMHP và C.ty TNHH TV Hải Minh.

Phần IV**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Tình hình chung**

Khi xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm 2012 Hội đồng quản trị công ty đã nhận định tại Đại hội đồng cổ đông tài khóa năm 2012 về những khó khăn, thuận lợi bước vào thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012. Đó là do tình hình kinh tế thế giới đã và đang ảnh hưởng sâu sắc tới kinh tế Việt Nam theo chiều hướng xấu đi. Hàng loạt các sự kiện liên quan đến hệ thống ngân hàng, bất động sản, nợ xấu, nợ công liên tục diễn ra trong hệ thống kinh tế Việt Nam dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 chỉ đạt trên 5% , hầu hết các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ phải ngừng hoạt động, hoặc hoạt động cầm chừng (theo thống kê có tới 55.000 doanh nghiệp ngừng hoạt động trong năm 2012). Thị trường chứng khoán tiếp tục bất ổn định theo chiều hướng giảm không xác định đáy, hàng loạt doanh nghiệp có kế hoạch hủy niêm yết trên thị trường, nguồn vốn đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất từ thị trường chứng khoán do vậy bị hạn chế.

Công ty cổ phần Hải Minh cũng không nằm ngoài những biến động chung của các doanh nghiệp Việt Nam. Những khó khăn về kinh tế thế giới nhất là trong lĩnh vực hàng hải, cùng với sự cạnh tranh gay gắt trong tất cả các hoạt động dịch vụ hàng hải trong nước đã và đang là một thách thức to lớn đối với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và nước ta, song với phương châm hoạt động của Công ty đã đề ra là:

“ Tăng trưởng và phát triển bền vững – Bảo toàn vốn – Tăng cường liên doanh liên kết - Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và người lao động”

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua. Đó là:

2.1 Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2012	THỰC HIỆN 2012	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	123.500.000	130.112.401	105
Tổng chi phí	102.603.000	105.866.213	103
Lợi nhuận sau thuế	15.672.750	19.674.535	126
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	20.000.000	20.032.808	100
Tổng lợi nhuận hợp nhất	35.672.750	39.707.343	111

Hội đồng quản trị công ty cũng đánh giá cao công tác quản lý, điều hành của Ban giám đốc Công ty và các đơn vị thành viên trong công tác giữ vững các dịch vụ, công tác quản lý, điều hành công ty trong năm 2012.

2.2 Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư 2012:

+ Xây dựng nhà văn phòng tại Hải Phòng: Đã tiến hành xong Hồ sơ thiết kế thi công, mời thầu và tổ chức đấu thầu công khai gói thầu xây lắp trị giá 15, 85 tỷ đồng. Kết quả Công ty cổ phần xây dựng Kiến lương đã trúng thầu. Đã tổ chức động thổ công trình ngày 17/7/2012 và khởi công xây dựng ngày 6/8/2012 đến nay đã tiến hành thi công xây dựng xong phần móng và phần XD thô đến tầng 3 tòa nhà. Giá trị thi công đạt trên 3 tỷ đồng trong đó đã thanh toán xong phần móng theo tiến độ là 2,8 tỷ đồng.

+ Đầu tư phương tiện vận tải :

Đầu kéo container: 15 Chiếc và 22 Rơmoóc container.

+ Đầu tư thiết bị bốc xếp:

- 01 xe nâng container loại Terex 45 tấn trị giá 198.000 EUR xe về đến Hải Phòng ngày 1/8/2012 và đã đưa vào hoạt động.
- Đầu tư 01 xe nâng rỗng trị giá: 98.000 EUR khai thác từ tháng 10/2012 tại TpHCM

+ Thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh với tổng số vốn điều lệ là 35 tỷ đồng trong đó HM góp 13%, PISD góp 77%. Công ty đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3/2012 Đến tháng 11/2012 Hải Minh đã mua lại 100% vốn góp của PISD.

+ Đã tiến hành tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Dongbu – Hải Minh từ 260.000USD lên 605.000 USD. Hải Minh góp thêm 169.050 USD

2.3. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2011:

Công ty đã tiến hành thực hiện phương án phân phối lợi nhuận tuân thủ đúng theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông duyệt năm 2012 cụ thể như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính : 3% LN hợp nhất là 1.207.686.780 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 5% LN hợp nhất là 2.012.811.300 đồng
- Trích quỹ hoạt động HĐQT : 5% LN hợp nhất là 2.012.811.300 đồng
- Trích quỹ khen thưởng lợi nhuận vượt mức kế hoạch năm năm 2007 – 2011 cho Hội đồng quản trị công ty là : 10% LN vượt mức Kế hoạch trong 5 năm là: 4.007.390.000 đồng.
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ là : 75.243.085.818 đồng

2.4 Thực hiện chia cổ tức năm 2012:

Thực hiện xong tạm ứng cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là 10%/cổ phần chi làm 2 đợt giữa năm và cuối năm 2012.

2.5 Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ đăng ký của công ty là 100 tỷ đồng:

+ Đã thực hiện thành công phương án phát hành 2.642.504 cổ phiếu cho đủ vốn điều lệ của Công ty. Trong đó :

- Chia cổ tức (32%) bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại cho các cổ đông hiện hữu là: 2.285.605 cổ phiếu tương ứng với số tiền là: 22.856.050.000 đồng

- Phát hành mới 356.899 cổ phiếu tương ứng 3.568.990.000 đồng cho các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, các trưởng phó phòng ban và cán bộ công nhân viên mới của Công ty.

+ Báo cáo UBCK chấp thuận niêm yết 177.590 cổ phiếu của Công ty TTK Global Resources Pte.LTD Singapore trên sàn chứng khoán Hà Nội và đã thông báo cho TTK cổ phiếu của TTK tại Hải Minh không còn là Cổ phiếu ưu đãi và là cổ phiếu phổ thông.

3. PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2013.

3.1 Nhân định chung :

Theo nhận định của các nhà kinh tế năm 2013, trước dự báo nền kinh tế thế giới và nước ta còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, khối doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục chịu ảnh hưởng. Thêm vào đó, tổng thu ngân sách của Việt Nam đã giảm mạnh trong năm 2012, đồng nghĩa với việc thiếu đi những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước. Về các doanh nghiệp vừa và nhỏ năm nay sẽ là một cuộc chiến khốc liệt. Số lượng doanh nghiệp thu hẹp, giải thể, phá sản sẽ còn tiếp diễn. Trước viễn cảnh khó khăn và phải tự lực cánh sinh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải nhanh chóng tìm cách cắt lỗ, cơ cấu lại doanh nghiệp, loại bỏ các mảng kinh doanh không cần thiết, chờ thời cơ thay vì cố gắng mở rộng sản xuất.

Thêm vào đó tình hình thị trường dịch vụ hàng hải cũng không mấy sáng sủa hơn năm 2012. Do khó khăn về tài chính các hãng tàu lớn trên thế giới đều bị thua lỗ trầm trọng và có xu hướng cắt giảm tuyến vận chuyển để giảm lỗ như hãng tàu K'Line đã bỏ tuyến tàu feeder phía Bắc, hãng tàu NYK đã chính thức tuyên bố bỏ tuyến Nhật Bản – Cái Lân vào 1/4/2013... Đồng thời có kế hoạch tận thu và giảm tối đa các chi phí dịch vụ có liên quan của việc khai thác container tại Việt Nam như chi phí đại lý, lưu kho bãi, vận chuyển... tại Việt Nam. Cạnh tranh vẫn là một khó khăn thường trực của các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải trong bối cảnh kinh tế như hiện nay.

Từ những tình hình trên căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012 và tình hình thị trường HĐQT đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 như sau:

3.2 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013.

3.2.1 Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2012	KẾ HOẠCH 2013	2013/2012
Tổng doanh thu	130.112.401	128.640.000	98.86
Tổng chi phí	105.866.213	105.565.000	99.71
Lợi nhuận sau thuế	19.674.535	17.306.250	88.00
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	20.032.808	20.000.000	99.84
Tổng lợi nhuận hợp nhất	39.707.343	37.306.250	93.95

3.2.2 Kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất :

Trong năm 2013 Công ty tập trung vào đầu tư phát triển trong các lĩnh vực sau:

a. Tập trung hoàn thiện tòa nhà Văn phòng Công ty tại Công ty TNHH Nam Phát dự kiến hoàn thiện trong tháng 8/2013 và đưa vào hoạt động đầu quý 4/2013 với nguồn vốn dự kiến là 21 tỷ. Căn cứ vào nguồn vốn hiện có của Nam Phát không đáp ứng được nguồn vốn thanh toán, do vậy HĐQT Công ty đã quyết định huy động tối đa nguồn vốn vốn tự có trong nội bộ Công ty cho việc đầu tư không vay ngân hàng.

b. Tiếp tục tìm kiếm phương án đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho Công ty tại khu vực phía Nam cụ thể là Depot tại khu vực thành phố HCM.

c. Đầu tư thay thế phương tiện vận tải đã cũ và hết hạn sử dụng tại Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh và Nam Phát (05 đầu xe kéo) bằng nguồn vốn khấu hao của các đơn vị.

d. Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh tiếp nhận toàn bộ tài sản, vốn từ Công ty TNHH 1 TV Hải Minh Hải Phòng và Chi nhánh tiếp vận Hoàng Nam Hải Phòng và làm các thủ tục tăng vốn điều lệ của Công ty lên 50 tỷ đồng.

3.2.3 Kế hoạch phân phối lợi nhuận.

Với các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2013 đã đề ra Hội đồng quản trị thống nhất ngoài việc tập trung nguồn vốn đầu tư để đảm bảo duy trì và phát triển sản xuất, Công ty phải đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư và dự kiến kế hoạch chia cổ tức từ 10% đến 15% cho các cổ đông trong năm 2013.

3.3 Công tác quản trị nội bộ công ty:

+ Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu quản lý, tổ chức của công ty trước mắt làm các thủ tục pháp lý sát nhập hai công ty TNHH 1 thành viên Hải Minh vào Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã phê duyệt. Làm thủ tục giải thể Công ty TNHH tiếp vận Hoàng Nam về mặt tài chính và thanh toán với đối tác nước ngoài.

+ Dự kiến tình hình kinh tế, thị trường, giá cả năm 2013 sẽ còn diễn biến phức tạp, ngay từ đầu quý 1/2013 tình hình hàng hóa có xu hướng giảm sút về các dịch vụ như : Vận chuyển đường bộ, đường sông, bãi container. Do vậy yêu cầu công tác quản lý công ty cần phải hoàn thiện hơn nữa. Đặc biệt Ban giám đốc phải có kế hoạch cụ thể cắt giảm các chi phí từ 5 – 10%, duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, linh động trong công tác thị trường, thương vụ ...giữ các khách hàng truyền thống trong các dịch vụ khai thác kho bãi, vận chuyển, đại lý ...

+ Tiếp tục hoàn thiện và Ban hành các Quy chế quản lý của Công ty và các Công ty thành viên và công ty liên doanh, liên kết theo quy định hiện hành.

+ Tiếp tục thực hiện chuyên môn hóa các dịch vụ của các công ty thành viên có chung ngành nghề kinh doanh như Công ty Nam Phát, Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh. Trên cơ sở chuyên môn hóa các dịch vụ sẽ tập trung đầu tư cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng dịch vụ của các đơn vị thành viên.

+ HĐQT tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của công ty về mọi mặt, cùng với Ban giám đốc xây dựng các quy chế hoạt động, quy chế nội bộ, các định mức tiền lương và các định mức chi phí khác sát với thực tế xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của công ty.

+ Công tác đảm bảo quyền lợi người lao động:

- Xem xét lại phương án định mức tiền lương theo lợi nhuận của công ty và các đơn vị thành viên trên nguyên tắc đảm bảo lương bình quân của CBCNV không thấp hơn năm 2012. Tiếp tục xây dựng điều chỉnh chi phí tiền lương theo các dịch vụ đảm bảo tính công bằng trong quy chế tiền lương.

- Điều chỉnh lại lương cơ bản cho toàn thể CB CNV công ty theo mức lương tối thiểu của Nhà nước ban hành.

Phần V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I – Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	252.707 Cổ phiếu, chiếm 2.53%	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	331.038 Cổ phiếu, chiếm 3.31%	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	263.667 Cổ phiếu , chiếm 2.64%	Không điều hành
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	249.848 Cổ phiếu , chiếm 2.5%	Không điều hành
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	225.718 Cổ phiếu , chiếm 2.25%	Không điều hành

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ban kiểm soát nội bộ

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã từng bước thực hiện đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể trong năm 2012 HĐQT đã:

1.3.1 Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khóa năm 2012 thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ năm 2012 của Công ty.

1.3.2 Tổ chức họp Hội đồng quản trị 04 lần nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, ban hành các quy chế quản lý, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết và các chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

1.3.3 Đã ban hành các quy chế quản lý của công ty như: Quy chế người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty,

Quy chế quản lý tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty...Thực hiện việc quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty theo các quy chế đã ban hành.

1.3.4 Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tổ chức quản lý, đầu tư trong nội bộ công ty. Từng bước có kế hoạch cắt giảm các đầu mối, đơn vị thông qua việc sáp nhập các đơn vị có chung các dịch vụ hoặc đề xuất việc giải thể các đơn vị hoạt động kinh doanh không hiệu quả nhằm giảm bớt các chi phí quản lý. Tập trung đầu tư vào các dịch vụ kinh doanh thế mạnh như: Vận chuyển container, khai thác depot, kho hàng CFS...không đầu tư dàn trải.

1.3.5 Hội đồng quản trị đã cử người tham gia HĐQT hoặc trực tiếp tham gia điều hành các công ty có vốn góp của công ty như: Công ty TNHH K'Line Việt Nam, Công ty TNHH tiếp vận Dongbu – Hải Minh, Công ty cổ phần hàng hải Hưng Phú, Công ty cổ phần Vận tải xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh...Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 hầu hết các đơn vị có vốn góp của Công ty đều có lợi nhuận. (Riêng Công ty TNHH tiếp vận Dongbu – Hải Minh còn bị lỗ do mới thành lập đang trong giai đoạn đầu tư) ...

1.3.6 Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước...Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường. Kết quả là việc thanh khoản cổ phiếu HMM đang được cải thiện so với các năm trước và thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài tham gia. Đảm bảo quyền lợi của người đầu tư – Giá cổ phiếu bình ổn trong năm qua trên thị trường.

II – Ban kiểm soát

1 – Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	281.380 Cổ phiếu , chiếm 2.81%	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	98.035 Cổ phiếu, chiếm 0.98%	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	222.024 Cổ phiếu , chiếm 2.22%	

2 – Hoạt động và đánh giá của Ban kiểm soát:

2.1 Hoạt động:

Thực hiện chức năng vụ của mình, trong năm 2012 Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát hoạt động của công ty, bao gồm:

- Kiểm tra, đánh giá các báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của Ban Giám Đốc giữa kỳ và cuối kỳ.
- Xem xét các hoạt động đầu tư, các Hợp đồng kinh tế ký kết trong năm
- Thăm tra tính minh bạch, hợp lý của hoạt động kế toán và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tại Tp.HCM và các công ty thành viên tại Hải Phòng, nhằm phát hiện những thiếu sót và đưa ra kiến nghị đối với Ban lãnh đạo công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật bao gồm thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nghĩa vụ đối với người lao động v.v..
- Tham gia các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị Công ty, giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám Đốc phù hợp với qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết đã được Đại Hội cổ đông thông qua.

2.2 Đánh giá:

Với các hoạt động kiểm tra giám sát nêu trên , chúng tôi xin báo cáo trước đại hội ý kiến đánh giá của Ban Kiểm Sốt đối với hoạt động của công ty Cổ Phần Hải Minh trong năm 2012 như sau:

a. Kết quả kinh doanh năm 2012.

Trong năm 2012 vừa qua, Công ty đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể :

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2012	THỰC HIỆN 2012	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	123.500.000	130.112.401	105
Tổng chi phí	102.603.000	105.866.213	103
Lợi nhuận sau thuế	15.672.750	19.674.535	126
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	20.000.000	20.032.808	100
Tổng lợi nhuận hợp nhất	35.672.750	39.707.343	111
Lợi nhuận /1 cổ phiếu (đồng)	6.358	5.021	

Đánh giá của Ban kiểm soát :

- Năm 2012 ngành vận tải thế giới vẫn tiếp tục khó khăn, nhiều hãng tàu lớn thua lỗ , ở trong nước tình hình kinh tế suy giảm rõ rệt, hệ thống tài chính ngân hàng bất ổn, rất nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc giải thể, trong bối cảnh đó công ty Hải Minh vẫn đạt được doanh thu và lợi nhuận khả quan, do vậy ban Kiểm Soát đánh giá cao nỗ lực của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám Đốc trong việc điều hành công ty vượt qua khó khăn, suát xác hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 giao cho.

b. Đánh giá báo cáo tài chính và hoạt động kế toán .

Qua xem xét các báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo của Công ty kiểm toán Đất Việt, Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý các chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2012 cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2012.

Hoạt động kế toán nhìn chung rõ ràng và đầy đủ, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý liên quan. Tuy nhiên vẫn còn phát sinh một số thiếu sót trong việc hạch toán và chứng từ thu chi, Ban kiểm soát đã kiến nghị Ban Giám Đốc nhắc nhở các bộ phận .

c. Giám sát công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2012.

- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật trong việc điều hành công ty, thực hiện đúng chức năng

nhiệm vụ được giao theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .

- Hội đồng Quản trị thường xuyên chỉ đạo và phối hợp với Ban Giám Đốc trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Trong năm Hội Đồng Quản trị đã tổ chức họp 4 lần sau mỗi quý, các cuộc họp được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định, việc ban hành các nghị quyết đều hợp lệ, đúng thẩm quyền.
- Công tác đầu tư, tái cơ cấu tổ chức quản lý, được triển khai đúng với nghị quyết Đại Hội cổ đông đã thông qua.
- Trong năm 2012 Hội Đồng Quản trị đã xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ công ty như quy chế người đại diện vốn góp, quy chế quản lý tài chính ...giúp cho việc quản lý và điều hành công ty minh bạch và thuận lợi hơn.
- Nhìn chung các hợp đồng trong năm 2012 đều được ký kết đúng quy định và hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của công ty và cổ đông.

3 . Các giao dịch ,thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,BKS và BGD

3.1 Thù lao năm 2012 của HĐQT

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2012 (vnđ)	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	290.000.000	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	290.000.000	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	220.000.000	
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	220.000.000	
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	220.000.000	

3.2 Thù lao Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2012 (vnđ)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	120.000.000	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	80.000.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	80.000.000	

3.3 Thu nhập Ban giám đốc

STT	Thành viên	Chức danh	Thu nhập đã nhận trong năm 2012 (vnđ)	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Hùng	T.Giám đốc	732.100.000	
2	Nguyễn Thế Hưng	GĐTC	496.100.000	
3	Trần Đoàn Viện	GĐ HMHP	350.000.000	

3.4 Thông tin giao dịch của HĐQT, BKS, cổ đông liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ, tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu cuối kỳ, tỷ lệ	Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển nhượng, thưởng...)
1	Phùng Văn Quang	CT HĐQT	145.654 CP, tỷ lệ 1,98%	252.707CP, tỷ lệ 2,53%	Mua thêm+nhận CP thưởng
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.CT Kiểm TGD	180.154CP; tỷ lệ 2,45%	331.038CP, tỷ lệ 3,31%	Mua thêm+nhận CP thưởng
3	Nguyễn Văn Hà	TV HĐQT	183.957CP, tỷ lệ 2,5%	263.667CP, tỷ lệ 2,63%	Mua thêm+nhận CP thưởng
4	Nguyễn Mỹ Hải	TV HĐQT	173.488CP, tỷ lệ 2,36%	249.848CP, tỷ lệ 2,5%	Mua thêm+nhận CP thưởng
5	Nguyễn Trung Kiên	TV HĐQT	155.208CP, tỷ lệ 2,11%	225.718CP, tỷ lệ 2,25%	Mua thêm+nhận CP thưởng
6	Nguyễn Thế Quân	Trưởng BKS	139.208CP, tỷ lệ 1,89%	281.380CP, tỷ lệ 2,81%	Mua thêm+nhận CP thưởng
7	Triệu Đình Trung	TV BKS	74.269CP, tỷ lệ 1,01%	98.035CP, tỷ lệ 0,98%	Nhận CP thưởng
8	Nguyễn T.Thanh Thủy	TV BKS	155.041CP, tỷ lệ 2,11%	222.024CP, tỷ lệ 2,22%	Mua thêm+nhận CP thưởng
9	Nguyễn Thế Hưng	GĐTC	80.333CP, tỷ lệ 1,09%	123.409CP, tỷ lệ 1,23%	Mua thêm+nhận CP thưởng
10	Trần Đoàn Viện	GĐ HMHP	6.800CP, tỷ lệ 0,09%	32.946CP, tỷ lệ 0,33%	Mua thêm+nhận CP thưởng

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2012

1 – Ý kiến của kiểm toán viên

Số: 0069/2013/BCTC-KTV

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2013, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hải Minh, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

(Đã ký)

VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

2 – Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị
tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63,019,081,985	98,148,791,450
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30,466,527,868	57,678,932,405
1.	Tiền	111		9,583,805,264	14,965,209,801
2.	Các khoản tương đương tiền	112		20,882,722,604	42,713,722,604
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800,000,000	-
	Đầu tư ngắn hạn	121		800,000,000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28,102,899,174	38,449,487,201
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	24,528,028,829	34,047,030,454
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	2,523,950,467	2,491,011,668
3.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	1,143,919,878	2,004,445,079
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-93,000,000	-93,000,000
IV.	Hàng tồn kho	140		1,313,926,850	349,309,487
	Hàng tồn kho	141		1,313,926,850	349,309,487
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2,335,728,093	1,671,062,357
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	492,810,236	156,378,574
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		375,235,613	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		329,059,263	390,857,176
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1,138,622,981	1,123,826,607
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149,532,879,718	102,161,449,050
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		76,727,885,200	38,624,990,426
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	73,876,919,125	37,504,990,426
	Nguyên giá	222		114,224,441,565	71,665,621,693
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		-40,347,522,440	-34,160,631,267
2.	Tài sản cố định vô hình	227		1,120,000,000	1,120,000,000
	Nguyên giá	228		1,137,000,000	1,137,000,000
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		- 17,000,000	-17,000,000
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1,730,966,075	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	68,186,912,756	57,881,716,481
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1.	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		61,386,912,756	51,081,716,481
2.	Đầu tư dài hạn khác	258		6,800,000,000	6,800,000,000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1,648,366,240	1,942,597,741
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1,385,073,382	1,674,304,883
2.	Tài sản dài hạn khác	268	V.10	263,292,858	268,292,858
VI.	Lợi thế thương mại	269		2,969,715,522	3,712,144,402
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212,551,961,703	200,310,240,500
NGUỒN VỐN					
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		22,188,932,152	36,321,956,246
I.	Nợ ngắn hạn	310		21,968,963,099	36,087,593,525
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	342,563,969
2.	Phải trả người bán	312	V.11	15,066,806,563	22,119,769,829
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	5,589,260
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2,831,993,029	4,917,319,830

www.haiminh.com.vn

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2012

Công ty cổ phần Hải Minh

5.	Phải trả người lao động	315		1,682,273,812	1,136,510,442
6.	Chi phí phải trả	316		31,818,182	16,450,000
7.	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	919,838,436	6,653,180,700
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		753,728,320	495,264,372
9.	Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		682,504,757	400,945,123
II.	Nợ dài hạn	330		219,969,053	234,362,721
1.	Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		100,000,000	-
2.	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		119,969,053	234,362,721
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187,050,361,517	160,635,027,819
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	187,050,361,517	160,635,027,819
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99,998,840,000	73,574,960,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1,928,510,000	1,928,510,000
3.	Cổ phiếu quỹ	414		- 4,573,065,830	- 4,571,898,630
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2,051,360,115	2,051,360,115
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418		4,375,997,936	3,168,311,136
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		83,268,719,296	84,483,785,198
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C.	Lợi ích cổ đông thiểu số	439		3,312,668,034	3,353,256,435
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212,551,961,703	200,310,240,500

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:	05			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>			7,570,31	90,372
<i>Dollar Singapore (SGD)</i>			-	402

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20,376,917,119	17,834,580,420
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20,376,917,119	117,834,580,420
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90,315,983,008	90,501,125,443
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30,060,934,111	27,333,454,977
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,840,809,301	7,286,125,260
7	Chi phí tài chính	22		38,413,590	301,536,057
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,720,283	48,761,914
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.4	11,573,499,574	10,735,248,535
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23,289,830,248	23,582,795,645
11	Thu nhập khác	31	VI.5	4,894,675,179	1,516,906,870
12	Chi phí khác	32	VI.6	3,938,317,437	445,064,989
13	Lợi nhuận khác	40		956,357,742	1,071,841,881
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			
14	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		20,032,808,426	20,098,151,685
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,278,996,416	44,752,789,211
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		4,571,652,995	4,496,562,448
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,707,343,421	40,256,226,763
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		371,485,929	425,353,984
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		39,335,857,492	39,830,872,779
	Trong đó				
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân			7,834,122	5,612,593
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	5,021	7,097

www.haiminh.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
	Lợi nhuận trước thuế	01		44,278,996,416	44,752,789,211
	Điều chỉnh cho các khoản:				
	- Khấu hao tài sản cố định	02		11,244,861,646	9,228,347,116
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		- 598,369	- 27,321,750
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-30,180,880,504	- 17,910,894,370
	- Chi phí lãi vay	06		10,720,283	48,761,914
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25,353,099,472	36,091,682,121
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11,271,542,955	- 6,731,664,032
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		- 964,617,363	- 349,309,487
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		- 15,483,960,626	4,861,852,048
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		- 47,200,161	- 208,340,224
	- Tiền lãi vay đã trả	13		- 10,720,283	- 48,761,914
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		- 7,555,903,820	- 2,821,644,979
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		430,000,000	-
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		- 1,028,011,352	- 1,554,167,090
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,964,228,822	29,239,646,443
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		- 22,314,257,245	- 4,442,193,584
	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,031,818,180	1,220,000,000
	- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		- 31,841,511,800	- 4,907,385,589
	- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	500,000,000
	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,975,430,097	17,959,228,370
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		- 28,148,520,768	10,329,649,197
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		3,569,380,000	-
	- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		- 1,167,200	- 2,670,377,835
	- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,000,000,000	373,651,267
	- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		- 1,057,089,668	- 31,087,298
	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		- 14,539,834,092	- 17,815,302,298
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		- 11,028,710,960	- 20,143,116,164
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		- 27,213,002,906	19,426,179,476
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57,678,932,405	38,225,431,179
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		598,369	27,321,750
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	30,466,527,868	57,678,932,405

www.haiminh.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, Quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đinh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Mã số thuế : **0 3 1 1 1 9 0 9 5 6**

www.haiminh.com.vn

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để qui đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (ngân hàng TMCP Hàng Hải-CN Tp.HCM)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

Ngày 31/12/2011 là: 16.000 VND/SGD

Ngày 31/12/2011 là: 27.044 VND/EUR

Ngày 31/12/2012 là: 20.828 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính

cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải

là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố

không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	754.010.245	2.300.145.036
Tiền VND	724.642.765	2.264.342.608
SGD quy đổi VND	-	6.434.948
USD quy đổi VND	29.367.480	29.367.480
Tiền gửi ngân hàng	4.529.795.019	4.665.064.765
Tiền VND	4.401.489.495	2.809.042.986
Tiền USD quy đổi sang VND	128.305.524	1.856.021.779
Các khoản tương đương tiền	25.182.722.604	50.713.722.604
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	30.466.527.868	57.678.932.405

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	12.486.987.237	15.962.042.588
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.187.493.935	5.690.006.699
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	2.806.129.822	10.377.657.732
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	602.095.450	2.017.323.435
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	2.445.322.385	
Cộng	24.528.028.829	34.047.030.454

3. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	25.000.000	2.298.811.668
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.498.950.467	192.200.000
Cộng	2.523.950.467	2.491.011.668

4. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	860.885.885	1.362.612.549
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.670.000	73.598.197
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	5.000.848	308.272.265
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	187.247.811	259.962.068
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	86.115.334	
Cộng	1.143.919.878	2.004.445.079

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	362.123.135	121.207.823
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	63.271.636	8.182.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	15.985.807	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	26.988.045
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	51.429.658	-
Cộng	492.810.236	156.378.574

6. Tài sản ngắn hạn khác**Chỉ tiêu**

Công ty Cổ phần Hải Minh	317.226.230	283.645.877
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	453.414.499	351.864.900
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	310.804.252	351.513.625
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	50.000.000	136.802.205
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.178.000	-
Cộng	1.138.622.981	1.123.826.607

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình
I Nguyên giá					
1 Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	45.484.299.732	940.054.388	71.665.621.693
2 Tăng trong năm	29.376.428.904	5.158.649.625	15.794.629.443	90.112.546	50.419.820.518
3 Giảm trong năm	-	-	7.861.000.646	-	7.861.000.646
4 Số cuối năm	46.986.826.725	12.789.519.377	53.417.928.529	1.030.166.934	114.224.441.565
II Hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2012**Công ty cổ phần Hải Minh**

1 Số đầu năm	7.634.266.445	5.641.387.091	20.315.087.539	569.890.192	34.160.631.267
2 Tăng trong năm	2.606.012.648	1.573.058.620	6.934.959.984	130.830.394	11.244.861.646
3 Giảm trong năm	-	-	5.057.970.473	-	5.057.970.473
4 Số cuối năm	10.240.279.093	7.214.445.711	22.192.077.050	700.720.586	40.347.522.440
III Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
1 Số đầu năm	9.976.131.376	1.989.482.661	25.169.212.193	370.164.196	37.504.990.426
2 Số cuối năm	36.746.547.632	5.575.073.666	31.225.851.479	329.446.348	73.876.919.125

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	61.386.912.756	51.081.716.481
Công ty Cổ phần Hải Minh	6.800.000.000	6.800.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	68.186.912.756	57.881.716.481

9. Chi phí trả trước dài hạn**Chỉ tiêu**

Công ty Cổ phần Hải Minh	486.264.024	1.343.718.036
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	106.736.544
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	898.809.358	223.850.303
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-
Cộng	1.385.073.382	1.674.304.883

10. Tài sản dài hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	215.680.858	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	3.212.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	44.400.000	49.400.000
Cộng	263.292.858	268.292.858

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	9.604.107.432	15.999.626.923
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.442.236.785	2.166.286.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	2.117.015.414	3.517.578.400
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	463.671.700	436.277.800
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.439.775.232	-
Cộng	15.066.806.563	22.119.769.829

12. Thuế và các khoản phải nộp khác

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I. Thuế	4.867.717.794	11.399.038.340	13.549.162.907	2.717.593.227
Thuế GTGT hàng bán nội địa	242.863.474	3.752.349.885	3.243.681.574	751.531.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.331.244.503	4.736.981.933	7.555.903.820	1.512.322.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	269.369.043	311.058.636	(41.689.593)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	159.154.000	159.154.000	-
Các loại thuế khác	293.609.817	2.750.552.522	2.590.423.513	453.738.826
Thuế thu nhập cá nhân	243.861.867	2.067.610.190	1.906.056.240	405.415.817
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa</i>	<i>73.149.035</i>	<i>64.556.255</i>	<i>151.677.150</i>	<i>(13.971.860)</i>
Thuế nhà Thầu	49.747.950	670.942.332	669.367.273	51.323.009
Thuế môn bài	-	12.000.000	15.000.000	(3.000.000)
<i>Thuế môn bài nộp thừa</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	<i>(3.000.000)</i>
II. Các khoản phải nộp khác	49.602.036	667.810.382	661.674.069	55.738.349
Các khoản khác	49.602.036	667.810.382	661.674.069	55.738.349
Tổng cộng	4.917.319.830	12.066.848.722	14.210.836.976	2.773.331.576

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu		
Công ty Cổ phần Hải Minh	819.153.645	5.544.093.465
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.086.881	417.287.865
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.130.960	159.514.876
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	63.406.950	532.284.494
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	27.060.000	-
Cộng	919.838.436	6.653.180.700

14. **Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	-	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	145.421.340.371
Tăng vốn trong năm trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	39.830.872.780	39.830.872.780
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(22.376.341.618)	(22.376.341.618)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.156.400.000	(726.865.879)	429.534.121
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	-	(17.411.160.000)
Số dư cuối năm trước	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Số dư đầu năm nay	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Tăng trong kỳ	26.423.880.000	-	-	(1.167.200)	-	-	-	26.422.712.800
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	39.335.857.492	39.335.857.492
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	-	(31.144.792.400)	(31.144.792.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(165.431.959)	(165.431.959)
Số dư cuối năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	-	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517

www.haiminh.com.vn

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.784.784	7.357.496
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	7.179.906
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	215.216	130.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.216	130.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	7.227.296
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	7.049.706
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	36.678.349.015	34.382.319.936
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	42.397.347.883	33.551.539.702
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	31.088.835.218	41.116.023.462
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	4.183.487.418	8.784.697.320
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.028.897.585	-
Cộng	120.376.917.119	117.834.580.420

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	18.764.638.746	23.462.852.094
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	27.433.862.125	24.631.340.065
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	30.746.764.839	33.808.358.192
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	8.328.183.615	8.598.575.092
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	5.042.533.683	
Cộng	90.315.983.008	90.501.125.443

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	3.080.915.659	4.977.729.730
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	575.891.203	825.967.822
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.083.614.485	1.386.541.814
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	21.194.027	95.885.894
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	79.193.927	-
Cộng	4.840.809.301	7.286.125.260

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	5.552.588.254	5.376.515.793
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.722.615.103	2.199.272.310
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.702.390.091	1.843.136.896
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	1.160.472.027	1.316.323.536
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	435.434.099	
Cộng	11.573.499.574	10.735.248.535

5. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	869.885.470	1.298.725.052
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	909.091	218.181.818
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	4.023.880.618	-
Cộng	4.894.675.179	1.516.906.870

6. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	530.353.849	206.834.603
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	61.614.009	237.858.604
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	382.346	371.782
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	3.345.967.233	-
Cộng	3.938.317.437	445.064.989

7. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	49.621.064.660	47.168.255.980
Điều chỉnh tăng	315.995.441	372.295.396
+ <i>Phạt vi phạm hành chính</i>		317.173.556
+ <i>Phạt vi phạm lĩnh vực thuế</i>		55.121.840
Điều chỉnh giảm	(27.132.539.606)	21.783.735.028
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	24.573.983.399	25.756.816.348
Thu nhập chịu thuế phát sinh theo thuế suất 20%	291.125.582	535.374.341
– Thuế suất thuế TNDN theo thuế suất 20%	20%	20%
– Thuế suất TNDN theo thuế suất 25%	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(20%)	58.225.116	107.074.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(25%)	6.055.407.181	6.308.496.866
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo thông tư 154/TT/BTC ngày 11/11/2011	1.541.979.302	1.919.009.286
Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm	4.571.652.995	4.496.562.448

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	7.142.396	5.616.380
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	2.642.388	1.741.116
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	116	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	7.834.122	5.612.593
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.707.343.421	39.830.872.780
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.021,09	7.096,70

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.189.266.456
Chi phí nhân công	24.025.400.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.244.861.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.007.911.556
Chi phí khác bằng tiền	8.572.880.656
Cộng	124.040.321.283

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Phải thu			
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	6.159.949.666
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu cước vận tải biển (thu hộ SAMUDERA) Nhận lợi nhuận 2011 từ liên doanh "K" Line	16.428.614.520 14.043.596.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1.084.955.000

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2012

Phải thu	Số tiền VND
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	1.299.393.800
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	2.537.495.202
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	565.975.000

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận ở hai nơi khác nhau là Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay	Năm trước
Tp. Hồ Chí Minh	38.644.588.101	42.200.700.551
Tp. Hải Phòng	81.732.329.018	75.633.879.869
Cộng	120.376.917.119	117.834.580.420

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm 2012	Năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh	21.420.693.431	18.616.188.516	8.877.901.262	2.677.371.012
Tp. Hải Phòng	52.456.225.694	18.888.801.910	41.541.919.257	1.296.560.754
Cộng	73.876.919.125	37.504.990.426	50.419.820.519	3.973.931.766

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.466.527.868	57.678.932.405
Phải thu khách hàng	24.528.028.829	34.047.030.454
Các khoản phải thu khác	1.143.919.878	2.004.445.079
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	<u>62.938.476.575</u>	<u>100.530.407.938</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	15.066.806.563	22.119.769.829
Chi phí phải trả	31.818.182	16.450.000
Các khoản phải trả khác	919.838.436	6.653.180.700
Cộng	<u>16.018.463.181</u>	<u>28.789.400.529</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số dư 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	15.066.806.563	-	-	15.066.806.563
Chi phí phải trả	31.818.182	-	-	31.818.182
Các khoản phải trả khác	919.838.436	-	-	919.838.436
Cộng	16.018.463.181	-	-	16.018.463.181

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	22.119.769.829	-	-	22.119.769.829
Chi phí phải trả	31.818.182	-	-	31.818.182
Các khoản phải trả khác	6.653.180.700	-	-	6.653.180.700
Cộng	28.804.768.711	-	-	28.804.768.711

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài

sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.466.527.868			30.466.527.868
Phải thu khách hàng	24.528.028.829	-	-	24.528.028.829
Các khoản phải thu khác	1.143.919.878	-	-	1.143.919.878
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Cộng	62.938.476.575	-	-	62.938.476.575

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.678.932.405	-	-	57.678.932.405
Phải thu khách hàng	34.047.030.454	-	-	34.047.030.454
Các khoản phải thu khác	2.004.445.079	-	-	2.004.445.079
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Cộng	100.530.407.938	-	-	100.530.407.938

www.haiminh.com.vn

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2012 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt.

Công ty Cổ Phần Hải Minh



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Hùng